

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+GTCl+BK16	7:25	9+6+6	0+0+0		9+4+9	0+0+0	CHUYẾN 1 CTK3-GTCl
2		TD1+BK15	7:25	19+0	0+0		21+1	0+0	
3		ClO+RCdM	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
4		MRM	7:25	12	0		12	0	
5		PPD+RP3+RC5	9:25	18+0+1	0+0+0		18+3+1	0+0+0	
6		ClI+BK4	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7		TD3+ClI	9:25	4+18	0+0		2+19	0+0	
8		PPD+BK9+CTK3	9:25	5+0+5	0+0+0		16+0+6	0+0+0	CHUYẾN 1 BK9 CTK3
9		MRM	11:00	8	0		11	0	
10		AMD+HST+TD1	11:25	11+1+0	0+0+0		16+1+4	0+0+0	
11		CTK3+BK16+GTCl	11:25	15+0+1	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
12		T.UNG	12:15	16	0		16	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY GTCl-2NG; MRM-1NG, BK16-1NG,2/ CHUYẾN BAY CTK3-GTCl-BK16 BAY SỎM LẤY CHỖ CHO
CHUYẾN VIP HÀ CẢNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:15
FLIGHT: 01	TO: CTK3 - GTC1 - BK16	CREW: Hoi - KHOAN - Toan	ETA: 09:00
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN HUU DUONG	CTK3	18	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	95	1	6		81	KH-THAC	Russian
3	PHAM THANH HAI	CTK3	96	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG VAN MANH	CTK3	05	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG HA	CTK3	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN TRUC	CTK3	31	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN THAI	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DAN	CTK3	97-98	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
9	LE XUAN DAT	CTK3	29	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
10	SEDELKIN	GTC1	32	1	4	35	95	KH-THAC	Russian
11	POPOV	GTC1	35	1	4		70	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN HONG MINH	GTC1	36-37	2	16		90	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG TRAN KHANH	GTC1	31	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG MANH	GTC1	34	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	33	1	2		61	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUNG	BK16				80	73	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUY HOANG	BK16	48	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LIEU	BK16	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY TUAN	BK16	49	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN HA	BK16	46-47	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH CHIEN	BK16	44-45	2	12		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	9	49	654	0	9 + 1		CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG GTC1
2	GTC1	6	7	43	447	35	4		
3	BK16	6	7	37	422	80	9		
TOTAL		21	23	129	1.523	115	22		
WEIGHT KG				129	1.523	115			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - BK15	CREW: Thanh - MTHAO - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN V.B	TD1	45	1	19		162	KHOAN	Russian
2	SADOVNICHENKO D.A	TD1	38	1	11	34	101	KHOAN	Russian
3	BUI NGOC QUANG	TD1				60	60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	TD1	36	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
6	DO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	30	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN NAM*PK-PVD	TD1	41	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NGUYEN	TD1	37	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH SON	TD1	50	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HAI	TD1	35	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH CAO TRONG	TD1	42	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ANH TUAN	TD1	32	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN CAO TUAN	TD1	46	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN ANH VINH	TD1	31	1	7		58	DVL	Vietnamese
15	DO THANH HAI	TD1	74	1	7		70	DVL	Vietnamese
16	PHAM HOA VIET	TD1	43-44	2	11		67	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	29	1	6		82	PSV	Vietnamese
18	TRAN QUANG KY	TD1	33-34	2	15		65	DMC	Vietnamese
19	NGUYEN MANH CUONG	TD1	39-40	2	16		75	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	20	138	1.461	94	21		
2	BK15	0	0	0	0	18	1		
TOTAL		19	20	138	1.461	112	22		
WEIGHT KG				138	1.461	112			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: CLO - RCDM	CREW: Vận - Mạnh - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIOV S.L	CLO	15-16	2	10		95	KHOAN	Russian
2	KIRICHENKO K.P	CLO	65-66	2	7		78	KHOAN	Russian
3	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	27-28	2	18		90	KHOAN	Vietnamese
4	SVALOV E.G	CLO	09	1	9		95	KHOAN	Russian
5	ZHDANOV V.N	CLO	20	1	12		122	KHOAN	Russian
6	PHẠM VIỆT BÈ NGHĨA	CLO	40	1	7	15	68	BAKER HU	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUNG	CLO	21	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY NAM	CLO	13	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MINH TU	CLO	26	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẬU VĂN MINH	CLO	17	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
11	NG. CHIẾN THẮNG*PK-PVD	CLO	10-11	2	13		66	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VĂN MẠNH*PK-PVD	CLO	14	1	9	20	60	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	CLO	24-25	2	11		74	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	22	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	18	1	4	20	70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THUY	CLO	67-68	2	15		55	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ MINH TRINH	CLO	12	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	30	1	9		58	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TUYẾN	CLO	64	1	10		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾP	CLO	19	1	17		74	DVL	Vietnamese
21	DONG KY ANH	CLO	06,69	2	18		73	SCHLUMB	Vietnamese
22	WAN HANAFI WAN HUSSAIN	CLO	07-08	2	18		80	SCHLUMB	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	30	222	1.653	55	21		
2	RCDM	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	30	222	1.653	85	22		
WEIGHT KG				222	1.653	85			

GRAND TOAL: 1.960 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:32
FLIGHT: 04	TO: MRM	CREW: Khánh - CHIẾN	ETA: 10:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALITOV NAFIS	MRM	2000	1	5		75	KHOAN	Russian
2	EREMEEV E.V	MRM	97	1	15		100	KHOAN	Russian
3	KARIMOV SIRIM	MRM	39	1	5		65	KHOAN	Russian
4	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	34	1	9		82	KHOAN	Russian
5	KVASHA ANATOLY	MRM	32-33	2	8		84	KHOAN	Russian
6	POLYAKOV DMITRY	MRM	84	1	8		74	KHOAN	Russian
7	KUSHNAREV IGOR	MRM	36	1	9		95	KHOAN	Russian
8	DENIKIN SERGEY	MRM	98	1	8		93	KHOAN	Russian
9	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	37	1	12		115	KHOAN	Russian
10	KOZLOV IURII	MRM	99	1	9		93	KHOAN	Russian
11	EROFEEV DANIL	MRM	35	1	10		100	KHOAN	Russian
12	FILATOV SERGEY	MRM	38	1	17		116	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	13	115	1.092	0	12		
	TOTAL	12	13	115	1.092	0	12		
	WEIGHT KG			115	1.092	0			

GRAND TOAL: 1.207 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:32
FLIGHT: 05	TO: PPD - RP3 - RC5	CREW: Hòì - KHOÀN - Toan	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV	PPD	64	1	10	20	79	KH-THAC	Russian
2	PHAN VĂN THẮNG	PPD	71	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	73	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	72	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	75	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	70	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ MẠU MÊN	PPD	65,74	2	10		79	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	62	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	PPD	63	1	12		91	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	61	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HAI	PPD	69	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	58	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO VIỆT ANH	PPD	59	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH QUANG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	68	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HIẾN THANH	PPD	60	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	66	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BA	PPD	67	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUOC ĐẠI	RC5	24-25	2	18	45	84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	18	108	1.290	20	18		
2	RP3	0	0	0	0	35	3		
3	RC5	1	2	18	84	45	1		
TOTAL		19	20	126	1.374	100	22		
WEIGHT KG				126	1.374	100			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: CLI - BK4	CREW: Thanh - MTHAO - Luy	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOROSHENKOV	CLI	14	1	5	50	85	KH-THAC	Russian
2	CHERNYSHEV	CLI	20	1	5		118	KH-THAC	Russian
3	DOKUCHAEV	CLI	21	1	10		108	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN HANG HAI	CLI	23	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI NGOC THIET	CLI	17-18	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN ANH VIET	CLI					78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC SON	CLI	12-13	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MINH TIEN	CLI	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH TRONG KIM	CLI	11	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC NGHI	CLI	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VAN DOAN	CLI	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NAM KHANH	CLI	02	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
13	TO QUOC THINH	CLI	15	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LONG	CLI	24	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DAT	CLI	07	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TUY	CLI	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN NHAN	CLI	09	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU LAM	CLI	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG QUOC VIET	CLI	22	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI PHUC LINH	CLI	03	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	DINH VAN HOANG	CLI	25	1	5	20	62	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NGUYEN QUANG	CLI	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	23	152	1.671	70	20		
2	BK4	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	23	152	1.671	110	22		
WEIGHT KG				152	1.671	110			

GRAND TOAL: 1.933 KGS

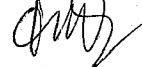
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 1100
FLIGHT: 7	TO: TD3 - CLI	CREW: VThắng - MTuấn - Năm	ETA: 1230
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	TD3	68	1	5	3	59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIEN HOANG SON	TD3	63	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN PHÚC PHUÔNG	TD3	66-67	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG TUNG	TD3	64-65	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	40	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	36	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRỌNG TUẤN	CLI	41	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIEN DUNG	CLI	43	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIỆN PHƯỚC	CLI	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	37	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	42	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN TUYỀN	CLI	35	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHANH	CLI	31	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOANG	CLI	38	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
15	ARTIUSHIN	CLI	46	1	14		96	ANTOAN	Russian
16	PHẠM ĐẠI PHONG	CLI	30	1	5		67	YTE	Vietnamese
17	PHẠM THANH NHA	CLI	44	1	6		82	PSV	Vietnamese
18	LÊ CAO HAI	CLI	39	1	5	4	62	PSV	Vietnamese
19	CAO VIỆT BAO	CLI	34	1	6		53	PSV	Vietnamese
20	VŨ HỮU TRƯỞNG	CLI	33	1	6		67	PSV	Vietnamese
21	VƯƠNG ĐỨC HUY	CLI	47-48	2	18		90	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	CLI	32	1	11		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	6	36	291	3	3		
2	CLI	18	19	126	1.295	4	19		
TOTAL		22	25	162	1.586	7	22		
WEIGHT KG				162	1.586	7			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:10
FLIGHT: 8	TO: PPD - BK9 - CTK3	CREW: Vận - Mạnh - Vũ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	01	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	03-04	2	15	50	66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	05-06	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	02	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN HỒNG	PPD	07	1	5		64	PSV	Vietnamese
6	LÊ TRƯỜNG AN	CTK3	700	1	8	20	81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	83	1	12		57	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN MINH	CTK3	51	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	7	45	359	50	16		CHUYỂN 1 PAX BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	30	0+1		
3	CTK3	4	3	23	273	20	6		
TOTAL		9	10	68	632	100	22		
WEIGHT KG				68	632	100			

GRAND TOAL: 800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 9	TO: MRM	CREW: Khánh - MMinh	ETA: 14:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KADATOV MIKHAIL	MRM	40	1	18	87	72	KHOAN	Russian
2	MAI MINH TUÂN	MRM	44	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN NGOC HUNG	MRM	78	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
4	LÂM VĂN KIEN	MRM	41	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	CHINNAVAT THAWORNKUNO	MRM	42	1	11	11	81	KHOAN	Thailand
6	IVANNOV V. P	MRM	79	1	6		92	KHOAN	Russian
7	DANG VAN VIEN	MRM	75	1	5	184	56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DINH HAI	MRM	76-77	2	15		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	8	9	71	574	282	11		THAO 6 CHO DE CHO HANG
TOTAL		8	9	71	574	282	11		
WEIGHT KG				71	574	282			

GRAND TOAL: 927 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 3	TO: AMD - HST - TD1	CREW: Hồi - XHOÀN - Toan	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	38	1	7	90	64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	39	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HOANG	AMD	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	48	1	6	18	75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	37	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	45	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	46-47	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	40	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH PHÚC AM	AMD	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ANH SƠN	AMD	41-42	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN LE HONG VU	HST	12	1	10		57	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

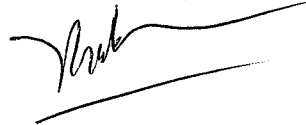
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	13	72	783	108	16		
2	HST	1	1	10	57	0	1		
3	TD1	0	0	0	0	6	4		
TOTAL		12	14	82	840	114	21		
WEIGHT KG				82	840	114			

GRAND TOAL: 1.036 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	TO: CTK3 - BK16 - GTC1	CREW: Vận - XTrường - DTùng	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	70-71	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	94-95	2	8		54	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	73	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	93	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	90-91	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	85	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	86	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	92	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	87	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH HOẠT	CTK3	96-97	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	98	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG ĐÀN	CTK3	88	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PANKRATOV	CTK3	72	1	11		105	ANTOAN	Russian
16	TRAN MINH THANH	GTC1	01	1	9	60	48	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	18	117	1.026	0	18		
2	BK16	0	0	0	0	3	1		
3	GTC1	1	1	9	48	60	3		
TOTAL		16	19	126	1.074	63	22		
WEIGHT KG				126	1.074	63			

GRAND TOAL: 1.263 KGS

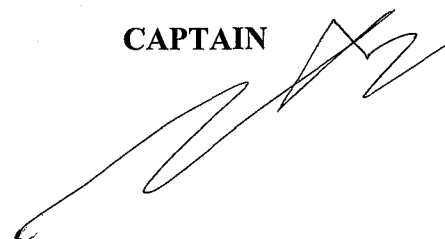
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:15
FLIGHT: 12	TO: T.UNG	CREW: MTiến - ĐTrung	ETA: 15:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	73	1	5		68	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGOC HIEU	T.UNG	78	1	6		68	PVD	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	T.UNG					67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH TUNG	T.UNG	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THANH	T.UNG					78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	76	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHIẾN THẮNG	T.UNG	69	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	75	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	71	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẮC	T.UNG	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	MAKSIMIV DMITRI	T.UNG	80	1	5		115	KH-THAC	Russian
12	TRẦN VĂN HOA	T.UNG					71	PSV	Vietnamese
13	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	70	1	5		53	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	72	1	4	60	61	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	T.UNG	77	1	5		61	PSV	Vietnamese
16	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	81-82	2	14		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	14	77	1.104	60	16		
TOTAL		16	14	77	1.104	60	16		
WEIGHT KG				77	1.104	60			

GRAND TOTAL: 1.241 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P3+P4	7:25	10+3+1	0+0+0		1+16+5	0+0+0	
2		VSP01+VSP02+JS2	7:25	0+0+21	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyến 1 vsp01-vsp02
3		TD3+RP2	7:25	13+0	0+0		17+5	0+0	
4		P5+TD2	9:25	19+0	0+0		17+5	0+0	CHUYẾN 2 P5- TD2
5		TD5+P6	9:25	18+0	0+0		19+3	0+0	
6		TD2+JS2	9:25	14+4	0+0		11+10	0+0	
7		TD5+PPD+BK6	11:25	11+0+0	0+0+0		13+9+0	0+0+0	CHUYẾN 1 PPD BK6

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - P3 - P4	CREW: Hôi - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSHEYNOV M.A	TD3	02	1	4		70	KHOAN	Russian
2	TRẦN TUẤN ANH	TD3	09	1	7	45	90	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN KHOA	TD3	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC HOÀN-PK-PVDO	TD3	08	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	07	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
7	NG ANH HUNG*PK-PVD	TD3	04	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TIẾN DŨNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH HẢI	TD3	03	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	06	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	01	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	PHẠM ANH TÚ	P3	53	1	5	45	77	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	P3	52	1	8		59	GETRACO	Vietnamese
14	ĐOÀN ĐẶC THỪA	P3	54	1	5		69	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH CANG	P4	42	1	6	30	70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	9	46	817	45	1		
2	P3	3	3	18	205	45	16		
3	P4	1	1	6	70	30	5		
TOTAL		15	13	70	1.092	120	22		
WEIGHT KG				70	1.092	120			

GRAND TOAL: 1.282 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP01 - VSP02 - JS2	CREW: Nam - KHOAN - Luy	ETA: 09:15
Cam - L			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STEPHEN D'CRUZ	JS2	84-85	2	15		85	KHOAN	Indian
2	HUYNH VAN KIET	JS2	99	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN KHANH	JS2	89	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	THAI TRUNG HIEU	JS2	287	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HAO	JS2	98	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	TO BUU DAN	JS2	94	1	11	7	63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THAI HOP	JS2	96	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KHUE	JS2	90	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN THE	JS2	286	1	10	29	68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM MINH NGOC	JS2	300	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
11	TA NGOC HA	JS2	88	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VINH	JS2	289	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
13	DANG VAN THUC	JS2	08	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH KIM TRI	JS2	290	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN PHUC	JS2	95	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
16	HUA QUANG TAM	JS2	07	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	BUI ANH DUC	JS2	20	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
18	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	04-05	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN TIEP	JS2	21	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	BUI CAO HUY	JS2	02	1	12		59	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC NGHIA	JS2				26	70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX TU VSP01 SANG VSP02
2	VSP02	0	0	0	0	0	1		
3	JS2	21	22	178	1.426	62	21		
TOTAL		21	22	178	1.426	62	22		
WEIGHT KG				178	1.426	62			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD3 - RP2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG HUNG TRIET	TD3	14	1	16	47	70	KHOAN	Vietnamese
2	LE HAI NGAN	TD3	05	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
3	DUONG QUOC VIET	TD3	17	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN BUU TAM	TD3	18	1	12		107	KHOAN	Vietnamese
5	AVAKYAN	TD3	04	1	9		95	KH-THAC	Russian
6	VU NGOC TU	TD3	15	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
7	VU BA THUAN	TD3	03	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN QUANG VU	TD3	11	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TRONG NHIEN	TD3	16	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
10	BAEV	TD3	06	1	8		85	ANTOAN	Russian
11	DO TIEN DUNG	TD3	07	1	5		50	DVL	Vietnamese
12	NGO THANH SON	TD3	08	1	8	13	73	DVL	Vietnamese
13	LE XUAN QUY	TD3	01-02	2	13		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	14	133	932	60	17		
2	RP2	0	0	0	0	8	5		
TOTAL		13	14	133	932	68	22		
WEIGHT KG				133	932	68			

GRAND TOAL: 1.133 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: P5 - TD2	CREW: Hôi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.C	P5	20	1	7	110	68	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	P5					66	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	P5	13	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TUÂN	P5					68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HUNG	P5	08	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN DOANH	P5					71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VĂN PHAN	P5	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH HIẾU	P5	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HAO	P5	18	1	10	16	92	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUYẾT TIỀN	P5	06	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	07	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUÂN LONG	P5	14	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	11-12	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P5	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TUYẾT	P5	24-25	2	20	16	72	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH THAO	P5	23	1	17		70	DVL	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SANG	P5	09-10	2	20		70	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	P5	05	1	6		64	YTE	Vietnamese
19	LƯU QUÝ TRUNG	P5	21-22	2	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

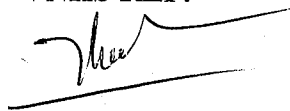
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	19	20	135	1.335	142	17	2	CHUYEN 2 PAX P5 SANG TD2
2	TD2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	20	135	1.335	142	22		
WEIGHT KG				135	1.335	142			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

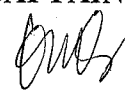
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: TD5 - P6	CREW: Nam - KHOAN - Luy	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5				52	80	KHOAN	Vietnamese
2	HỒ HOÀN KIẾM	TD5	17	1	3	75	71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	21	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	49	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HOA	TD5	18	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN BA HOA	TD5	15	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	22	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	48	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VŨ NGỌC	TD5	24	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	23	1	15		88	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO VĂN HÙNG*PK-PVD	TD5	26-27	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD5	50	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY KIỆM	TD5	16	1	11		69	D-HANH	Vietnamese
14	SYDORSKY	TD5	19	1	15		90	ANTOAN	Russian
15	CHU ĐÌNH THANH	TD5	20	1	9		50	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD5	28-29	2	15		61	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD5	30	1	8		82	DVL	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD5	33	1	17		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	19	152	1.273	127	19		
2	P6	0	0	0	0	15	3		
TOTAL		18	19	152	1.273	142	22		
WEIGHT KG				152	1.273	142			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: TD2 - JS2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	63	1	5	75	78	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	61	1	10		85	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	55	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	58	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	57	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	59	1	5	20	55	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	52-54	3	20		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	56	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	62	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ HOÀNG YẾN*PK-PVD	TD2	64-65	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HÀ	TD2	49	1	12		72	DVL	Vietnamese
14	HOANG VAN LINH	TD2	50-51	2	17		60	YTE	Vietnamese
15	HUYNH VAN TRUNG	JS2	72-74	3	12		93	KHOAN	Vietnamese
16	DO HOAI THANH	JS2	78	1	6	11	72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN NGOC TIEN	JS2	11	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VIET PHUONG	JS2	01-02	2	7		87	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

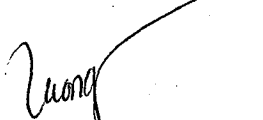
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	16	104	998	95	11		
2	JS2	4	7	34	312	11	10		
TOTAL		18	23	138	1.310	106	21		
WEIGHT KG				138	1.310	106			

GRAND TOAL: 1.554 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: PPD - BK6 - TD5	CREW: Hồi - MMinh - HIẾU	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG MANH HAI	TD5	86-87	2	20		72	DVL	Vietnamese
2	TRAN TRUNG THANG	TD5	39	1	3		74	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THAO	TD5	40	1	8		75	PSV	Vietnamese
4	ĐANG VAN THUAN	TD5	45	1	6		75	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG NGOC	TD5	43	1	6		75	PSV	Vietnamese
6	TRINH QUOC HUNG	TD5	46	1	4		72	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	TD5	42	1	8		63	PSV	Vietnamese
8	PHAM QUANG HUY	TD5	84-85	2	7		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG MINH	TD5	88	1	6		82	PSV	Vietnamese
10	LUONG ANH HAI	TD5	44	1	5		56	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TUAN	TD5	41	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	0	0	0	0	0	9+1		CHUYEN 1 PAX PPD SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	40	0		
3	TD5	11	13	78	784	0	13		
TOTAL		11	13	78	784	40	22		
WEIGHT KG				78	784	40			

GRAND TOAL: 902 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN